TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09-3-2023
V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Hạnh.

2. Bà Nguyễn Thị Nương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXX-ST ngày 06 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Điểu Thị Ngọc P1, sinh ngày 16 tháng 7 năm 1987; Nơi thường trú: Ấp X, xã TP2, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Chổ ở hiện nay: Ấp VA, xã LN, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Dương Văn P2, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1987; Nơi cư trú: Ấp X, xã TP2, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 11 năm 2022, bản khai ngày 25 tháng 11 năm 2022, nguyên đơn chị Điểu Thị Ngọc P1 trình bày: Chị và anh Dương Văn P2 sau một thời gian tìm hiểu nên đã đi đến hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LN, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống vợ chồng ban đầu rất hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống và anh P2 ăn chơi, nhậu nhẹt, đánh chị, từ đó không còn sống chung với nhau. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn như trước, nên chị yêu cầu ly hôn với anh P2. Về con chung: Chị và anh P2 chung sống có 02 con chung Dương Thị Phượng O, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2010 và Dương Thị Hồng A, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2014, nay ly hôn chị đồng ý giao 02 con chung cho anh P2 được tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản chung: Chị và anh P2 chung sống không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với anh Dương Văn P2, Toà án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng anh từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03 tháng 02 năm 2023 đối với cháu Dương Thị Phượng O trình bày: Ba mẹ ly hôn nguyện vọng ở với cha.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03 tháng 02 năm 2023 đối với cháu Dương Thị Hồng A trình bày: Ba mẹ ly hôn nguyện vọng ở với cha.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Điểu Thị Ngọc P1 được ly hôn với anh Dương Văn P2; về con chung: Giao 02 con chung Dương Thị Phượng O, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2010 và Dương Thị Hồng A, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2014 cho anh Dương Văn P2 được tiếp tục nuôi dưỡng, chị Điểu Thị Ngọc P1 không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Chị Điểu Thị Ngọc P1 trình bày không có, anh Dương Văn P2 không có văn bản ghi ý kiến, nên Viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn chị Điểu Thị Ngọc P1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Dương Văn P2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Điểu Thị Ngọc P1 và anh Dương Văn P2 là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của chị Điểu Thị Ngọc P1 đối với anh Dương Văn P2, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của chị Ngọc P1 thì cuộc sống của chị và anh P2 không hạnh phúc từ đầu năm 2018, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống và anh P2 ăn chơi, nhậu nhẹt, đánh chị, từ đó không còn sống chung với nhau. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị Ngọc P1 đối với anh P2 hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Ngọc P1 là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị Ngọc P1 ly hôn với anh P2.

[4] Về việc nuôi con: Chị Điểu Thị Ngọc P1 thống nhất giao 02 con chung Dương Thị Phượng O, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2010 và Dương Thị Hồng A, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2014 cho anh Dương Văn P2 tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị Ngọc P1 và anh P2 không còn sống chung và hiện nay thì 02 con chung do anh P2 chăm sóc, nuôi dưỡng, 02 cháu cũng có nguyện vọng ở với cha và để ổn định việc sinh hoạt của cháu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh P2 được tiếp

tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, chị Ngọc P1 không phải cấp dưỡng nuôi con do anh P2 chưa có văn bản yêu cầu, nếu anh P2 có yêu cầu thì anh được quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về chia tài sản chung: Chị Điểu Thị Ngọc P1 cho rằng không có, nên không yêu cầu giải quyết, còn anh Dương Văn P2 không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHI4 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHI4 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Điểu Thị Ngọc P1, cho ly hôn giữa chị Điểu Thị Ngọc P1 và anh Dương Văn P2.

2. Về việc nuôi con chung:

2.1. Anh Dương Văn P2 được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung Dương Thị Phượng O, sinh ngày 12 tháng 12 năm 2010 và Dương Thị Hồng A, sinh ngày 07 tháng 8 năm 2014.

2.2. Chị Điểu Thị Ngọc P1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Điểu Thị Ngọc P1 chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004146 ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND X.LN, H.ĐQ, T.Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lương Bằng